

BỘ 10 ĐỀ THI GIỮA HK1 MÔN SINH HỌC 7 NĂM 2021-2022

1. Đề cương ôn thi giữa HK1 Sinh học 7

ĐỀ CƯƠNG ÔN THI GIỮA HỌC KÌ 1 MÔN SINH HỌC 7 NĂM HỌC 2021 - 2022

A. Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1: Trùng roi thường tìm thấy ở đâu?

- A. Trong không khí.
- B. Trong đất khô.
- C. Trong cơ thể người.
- D. Trong nước.

Câu 2: Vai trò của điểm mắt ở trùng roi là

- A. bắt mồi.
- B. định hướng.
- C. kéo dài roi.
- D. điều khiển roi.

Câu 3: Phương thức dinh dưỡng chủ yếu của trùng roi xanh là

- A. quang tự dưỡng.
- B. hoá tự dưỡng.
- C. quang dị dưỡng.
- D. hoá dị dưỡng.

Câu 4: Vị trí của điểm mắt trùng roi là

- A. trên các hạt dự trữ
- B. gần gốc roi

- C. trong nhân
- D. trên các hạt diệp lục

Câu 5: Khi trùng roi xanh sinh sản thì bộ phận phân đôi trước là

- A. nhân tế bào
- B. không bào co bóp
- C. điểm mắt
- D. roi

Câu 6: Phương thức sinh sản chủ yếu của trùng roi là

- A. mọc chồi
- B. phân đôi.
- C. tạo bào tử.
- D. đẻ con.

Câu 7: Trùng roi di chuyển như thế nào?

- A. Đầu đi trước.
- B. Đuôi đi trước.
- C. Đi ngang.
- D. Vừa tiến vừa xoay.

Câu 8: Nhờ hoạt động của điểm mắt mà trùng roi có tính

- A. hướng đất.
- B. hướng nước.
- C. hướng hoá.
- D. hướng sáng.

Câu 9: Bào quan nào của trùng roi có vai trò bài tiết và điều chỉnh áp suất thẩm thấu?

- A. Màng cơ thể.

- B. Không bào co bóp.
- C. Các hạt dự trữ.
- D. Nhân.

Câu 10: Hình thức sinh sản chủ yếu của trùng roi xanh là

- A. mọc chồi.
- B. phân đôi.
- C. đẻ con.
- D. tạo bào tử.

Câu 11: Trong các phát biểu sau phát biểu nào sai?

- A. Trùng giàu di chuyển nhờ lông bơi.
- B. Trùng biến hình luôn biến đổi hình dạng.
- C. Trùng biến hình có lông bơi hỗ trợ di chuyển.
- D. Trùng giày có dạng dẹp như đế giày.

Câu 12: Trong các đặc điểm nào dưới đây có cả ở trùng giày, trùng roi và trùng biến hình?

- A. Cơ thể luôn biến đổi hình dạng.
- B. Cơ thể có cấu tạo đơn bào.
- C. Có khả năng tự dưỡng.
- D. Di chuyển nhờ lông bơi.

Câu 13: Dưới đây là 4 giai đoạn trùng biến hình bắt mồi và tiêu hoá mồi :

- (1) : Hai chân giả kéo dài nuốt mồi vào sâu trong chất nguyên sinh.
- (2) : Lập tức hình thành chân giả thứ hai vây lấy mồi.
- (3) : Không bào tiêu hoá tạo thành bao lấy mồi, tiêu hoá mồi nhờ dịch tiêu hoá.
- (4) : Khi một chân giả tiếp cận mồi (tảo, vi khuẩn, vụn hữu cơ...).

Em hãy sắp xếp các giai đoạn trên theo trình tự hợp lý ?

- A. (4) - (2) - (1) - (3).
- B. (4) - (1) - (2) - (3).
- C. (3) - (2) - (1) - (4).
- D. (4) - (3) - (1) - (2).

Câu 14: So với trùng biến hình chất bã được thải từ bất cứ vị trí nào trên cơ thể, trùng giày thải chất bã qua

- A. bất cứ vị trí nào trên cơ thể như ở trùng biến hình.
- B. không bào tiêu hoá.
- C. không bào co bóp.
- D. lỗ thoát ở thành cơ thể.

Câu 15: Trong các động vật nguyên sinh sau, loài động vật nào có hình thức sinh sản tiếp hợp?

- A. Trùng giày.
- B. Trùng biến hình.
- C. Trùng roi xanh.
- D. Trùng kiết lị.

Câu 16: Sự khác nhau về nhân của trùng giày và trùng biến hình là

- A. trùng biến hình có 2 nhân, trùng giày có 1 nhân.
- B. trùng biến hình có 1 nhân, trùng giày có 3 nhân.
- C. trùng biến hình có 1 nhân, trùng giày có 2 nhân.
- D. trùng biến hình có 2 nhân, trùng giày có 3 nhân.

Câu 17: Lông bơi của trùng giày có những vai trò gì trong những vai trò sau ?

1. Di chuyển.
2. Đồn thức ăn về lỗ miệng.
3. Tấn công con mồi.
4. Nhận biết các cá thể cùng loài.

Phương án đúng là:

A. 1, 2. B. 2, 3. C. 3, 4. D. 1, 4.

Câu 18: Trong các động vật nguyên sinh sau, động vật nào có cấu tạo đơn giản nhất?

- A. Trùng roi. B. Trùng biến hình.
C. Trùng giày. D. Trùng bánh xe.

Câu 19. Loại tế bào nào chiếm phần lớn lớp ngoài của thành cơ thể?

- A. Tế bào mô bì – cơ.
B. Tế bào mô cơ – tiêu hoá.
C. Tế bào sinh sản.
D. Tế bào cảm giác.

Câu 20. Hình thức sinh sản vô tính của thủy tức là gì?

- A. Phân đôi.
B. Mọc chồi.
C. Tạo thành bào tử.
D. Cả A và B đều đúng.

Câu 21: Bào xác của trùng kiết lị xâm nhập vào cơ thể người thông qua con đường nào?

- A. Đường tiêu hoá.
B. Đường hô hấp.
C. Đường sinh dục.
D. Đường bài tiết.

Câu 22: Nhóm động vật nguyên sinh nào dưới đây có chân giả?

- A. trùng biến hình và trùng roi xanh.
B. trùng roi xanh và trùng giày.
C. trùng giày và trùng kiết lị.

D. trùng biến hình và trùng kiết lị.

Câu 23: Trong điều kiện tự nhiên, bào xác trùng kiết lị có khả năng tồn tại trong bao lâu?

- A. 3 tháng. B. 6 tháng.
C. 9 tháng. D. 12 tháng.

Câu 24: Trùng sốt rét lây nhiễm sang cơ thể người qua vật chủ trung gian nào?

- A. Muỗi Anôphen (Anopheles). B. Muỗi Mansonia.
C. Muỗi Culex. D. Muỗi Aedes.

Câu 25: Vật chủ trung gian thường thấy của trùng kiết lị là gì?

- A. Ốc. B. Muỗi. C. Cá. D. Ruồi, nhặng.

Câu 26: Dưới đây là các giai đoạn kí sinh của trùng sốt rét trong hồng cầu người:

- (1): Trùng sốt rét sử dụng hết chất nguyên sinh trong hồng cầu, sinh sản vô tính cho nhiều cá thể mới.
(2): Trùng sốt rét chui vào kí sinh ở hồng cầu.
(3) : Trùng sốt rét phá vỡ hồng cầu để chui ra ngoài tiếp tục vòng đời kí sinh mới.

Hãy sắp xếp các giai đoạn trên theo trình tự hợp lí.

- A. (2) → (1) → (3).
B. (2) → (3) → (1).
C. (1) → (2) → (3).
D. (3) → (2) → (1).

Câu 27: Trong những đặc điểm sau, những đặc điểm nào có ở trùng kiết lị?

1. Đơn bào, dị dưỡng.
2. Di chuyển bằng lông hoặc roi.
3. Có hình dạng cố định.
4. Di chuyển bằng chân giả.
5. Có đời sống kí sinh.

6. Di chuyển tích cực.

Số phương án đúng là

A. 3. B. 4. C. 5. D. 6

Câu 28: Vị trí kí sinh của trùng kiết kị trong cơ thể người là

A. trong máu.B. khoang miệng.C. ở gan.D. ở thành ruột.

Câu 29: Trong các biện pháp sau, biện pháp nào giúp chúng ta phòng tránh đc bệnh kiết lị?

- A. Mặc màn khi đi ngủ.
- B. Diệt bọ gậy.
- C. Đậy kín các dụng cụ chứa nước.
- D. Ăn uống hợp vệ sinh.

Câu 30: Trong các phương pháp sau, phương pháp nào được dùng để phòng chống bệnh sốt rét?

- 1. Ăn uống hợp vệ sinh.
- 2. Mặc màn khi ngủ.
- 3. Rửa tay sạch trước khi ăn.
- 4. Giữ vệ sinh nơi ở, phát quang bụi rậm, khơi thông cống rãnh.

Phương án đúng là

A. 1; 2. B. 2; 3. C. 2; 4. D. 3; 4.

Câu 31: Động vật nguyên sinh sống kí sinh thường có đặc điểm nào?

- A. Cơ quan di chuyển thường tiêu giảm hoặc kém phát triển.
- B. Dinh dưỡng theo kiểu hoại sinh.
- C. Sinh sản vô tính với tốc độ nhanh.
- D. Cả 3 phương án trên đều đúng.

Câu 32: Phát biểu nào sau đây về động vật nguyên sinh là đúng?

- A. Cơ thể có cấu tạo đơn bào.

- B. Chỉ sống kí sinh trong cơ thể người.
- C. Hình dạng luôn biến đổi.
- D. Không có khả năng sinh sản.

Câu 33: Động vật đơn bào nào dưới đây có lớp vỏ bằng đá vôi?

- A. Trùng biến hình. B. Trùng lỗ.
- C. Trùng kiết lị. D. Trùng sốt rét.

Câu 34: Đặc điểm nào dưới đây không phổ biến ở các loài động vật nguyên sinh?

- A. Kích thước hiển vi.
- B. Di chuyển bằng chân giả, lông hoặc roi bơi.
- C. Sinh sản hữu tính.
- D. Cơ thể có cấu tạo từ một tế bào.

Câu 35: Nhóm nào dưới đây gồm toàn những động vật nguyên sinh có chân giả?

- A. Trùng biến hình, trùng sốt rét, trùng lỗ.
- B. Trùng biến hình, trùng kiết lị, trùng lỗ.
- C. Trùng kiết lị, trùng roi xanh, trùng biến hình.
- D. Trùng giày, trùng kiết lị, trùng sốt rét.

Câu 36: Động vật đơn bào nào dưới đây sống tự do ngoài thiên nhiên?

- A. Trùng sốt rét. B. Trùng kiết lị.
- C. Trùng biến hình. D. Trùng bệnh ngủ.

Câu 37: Nhóm nào sau đây gồm toàn những động vật đơn bào gây hại?

- A. Trùng bệnh ngủ, trùng sốt rét, cầu trùng.
- B. Trùng giày, trùng kiết lị, trùng lỗ.
- C. Trùng giày, trùng biến hình, trùng roi xanh.
- D. Trùng sốt rét, trùng roi xanh, trùng bệnh ngủ.

Câu 38: Động vật nguyên sinh có vai trò nào dưới đây?

- A. Thức ăn cho các động vật lớn.
- B. Chỉ thị độ sạch của môi trường nước.
- C. Chỉ thị địa tầng, góp phần cấu tạo vỏ Trái Đất.
- D. Cả 3 phương án trên đều đúng.

Câu 39: Phát biểu nào dưới đây không đúng về trùng lỗ?

- A. Sống phổ biến ở biển.
- B. Có vỏ bằng đá vôi.
- C. Bắt mồi bằng lông bơi.
- D. Có ý nghĩa về địa chất.

Câu 40: Phát biểu nào sau đây về động vật nguyên sinh là sai?

- A. Không có khả năng sinh sản vô tính.
- B. Kích thước hiển vi.
- C. Cấu tạo đơn bào.
- D. Sống trong nước, đất ẩm hoặc trong cơ thể sinh vật.

ĐÁP ÁN

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
C	B	A	B	A	B	A	D	B	B
11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
C	B	A	D	A	C	A	B	A	B
21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
A	D	C	A	D	A	A	D	D	C
31	32	33	34	35	36	37	38	39	40

D	A	B	C	B	C	A	D	C	A
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

B. Câu hỏi tự luận

Bài 1: Tại sao trùng roi có màu xanh ? Cách dinh dưỡng ở chúng như thế nào ?

Lời giải:

Trùng roi có màu xanh vì cơ thể chúng chứa các hạt diệp lục màu xanh lá cây. Ở nơi sáng, trùng roi xanh dinh dưỡng như thực vật (quang hợp). Ở trong tối, chúng vẫn sống nhờ những chất hữu cơ hoà tan do các sinh vật khác chết phân huỷ ra (còn gọi là dị dưỡng).

Bài 2: Tại sao gọi là trùng biến hình hay trùng chân giả ? Chúng di chuyển như thế nào ?

Lời giải:

Khác với trùng roi, trùng biến hình chưa có cơ quan di chuyển, nên một bộ phận cơ thể phải đảm nhận nhiệm vụ ấy.

- Cách di chuyển như sau : Khi cần di chuyển về hướng nào, chất nguyên sinh dồn về hướng ấy tạo nên chân giả.

Do vậy, chúng luôn không có hình thù nhất định, nên khoa học gọi chúng là trùng biến hình hay trùng amip (amip là từ La tinh, có nghĩa là biến hình).

- Tập hợp các loài di chuyển theo kiểu này trong một nhóm động vật nguyên sinh được gọi là lớp Trùng chân giả.

Bài 3: Tại sao gọi là trùng giày hay trùng cỏ ? Cách di chuyển của chúng như thế nào ?

Lời giải:

Một thời gian, trùng giày được gọi là trùng đế giày. Nhưng quan sát hình vẽ, nhất là quan sát cơ thể sống của chúng, người ta thấy :

- Cơ thể chúng hình khối, hơi dài, đầu tròn, đuôi nhọn.

- Chúng có một vết lõm ở bên cơ thể, ứng với rãnh miệng. Vì vậy, chúng giống chiếc giày chứ không giống đế giày. Cho nên, đúng hơn phải gọi chúng là trùng giày. Đôi khi chúng còn được gọi là trùng cỏ (hay thảo trùng) vì nơi người ta lần đầu tiên phát hiện ra chúng chính là nước ngâm cỏ.

- Trùng giày bơi nhờ các lông bơi phủ ngoài cơ thể. Các lông bơi này rung động tạo thành làn sóng và do chúng xếp trên cơ thể thành đường xoắn, nên khi bơi, cơ thể trùng giày cũng vừa tiến vừa xoay như trùng roi.

Bài 4: Nêu cấu tạo bào xác của động vật nguyên sinh và ý nghĩa sinh học của chúng.

Lời giải:

Bào xác là hiện tượng chung của cơ thể động vật nguyên sinh khi gặp điều kiện khó khăn, nhất là gặp khô hạn.

- Về cấu tạo : Chúng thải bớt nước, thu nhỏ cơ thể lại và hình thành lớp vỏ dày bảo vệ (Hình 6.1 SGK). Nhờ vậy, chúng có thể tồn tại trong tự nhiên nhiều tháng, thậm chí lâu hơn.

- Ý nghĩa sinh học :

+ Khi điều kiện thuận lợi trở lại thì chúng chui ra khỏi bào xác để hoạt động.

+ Lợi dụng tình trạng bào xác, chúng có thể dễ dàng bay theo gió hay bám vào các động vật khác để phát tán đến môi trường sống mới.

Bài 5: Hãy ghi vào bảng sau để phân biệt 3 loài động vật nguyên sinh chính.

Đại diện Nội dung	Trùng roi	Trùng biến hình	Trùng giày	Gợi ý
Môi trường sống				Tự do hay kí sinh
Di chuyển				Nhờ bào quan nào
Dinh dưỡng				Tự dưỡng hay dị dưỡng (ăn gì)
Đối xứng cơ thể				Có đối xứng hay không
Sinh sản				Hình thức đặc trưng

Lời giải:

Bảng phân biệt 3 loài động vật nguyên sinh chính.

Đại diện Nội dung	Trùng roi	Trùng biến hình	Trùng giày
Môi trường sống	Môi trường tự do		
Di chuyển	Roi	Chân giả	Lông bơi
Dinh dưỡng	- Tự dưỡng - Dị dưỡng	Dị dưỡng : ăn vi khuẩn, vụn hữu cơ...	
Đối xứng cơ thể	Đối xứng	Không đối xứng	
Sinh sản	Phân đôi	- Phân đôi - Liệt sinh	

Bài 6 Động vật nguyên sinh có nuôi được không và nếu nuôi được thì có ý nghĩa gì ?

Lời giải:

Động vật nguyên sinh nuôi được và dễ nuôi. Cách nuôi như sau :

- Chỉ cần cắt cỏ hay rơm ngâm trong nước là vài ngày sau ta có động vật nguyên sinh. Vì cỏ, rơm thối ra, làm vi khuẩn phát triển, là thức ăn cho động vật nguyên sinh. Các bào xác của chúng đang bám trên cỏ, rơm, lập tức trở lại hoạt động.
- Cũng cách làm như thế mà người phát minh ra kính hiển vi cách đây 2 thế kỉ (Loven Húc) đã tìm ra động vật nguyên sinh và ông đã đặt tên chúng là trùng cỏ.
- Việc nuôi động vật nguyên sinh có ý nghĩa để chủ động có mẫu vật sống phục vụ các buổi thực hành và quan sát chúng trong nhà trường, hoặc bất kì ở đâu.

Bài 7 Vì sao trùng roi được chọn làm đại diện cho ngành Động vật nguyên sinh trong thực hành cũng như trong bài học lí thuyết của Sinh học 7 ?

Lời giải:

Trùng roi được chọn vì các lí do sau :

- Chúng là con cháu của nhóm động vật nguyên sinh xuất hiện đầu tiên trên Trái Đất.

- Chúng đồng thời có 2 hình thức dinh dưỡng : tự dưỡng nhờ các hạt diệp lục như thực vật và dị dưỡng nhờ đồng hoá các chất hữu cơ do các sinh vật khác phân huỷ ra.

- Chúng ở ranh giới của giới Thực vật và giới Động vật, là bằng chứng về sự thống nhất của sinh giới.

Bài 8: Muỗi Anôphen phân biệt với muỗi thường ở những đặc điểm nào ? Tại sao cần phải biết phân biệt chính xác chúng ?

Lời giải:

Muỗi Anôphen phân biệt với muỗi thường ở những đặc điểm sau :

- Kích thước chúng lớn hơn.
- Khi đậu đầu chúng chúc xuống đất, đuôi chổng lên trên.
- Chúng thường gặp ở miền núi và các nơi đầm lầy, nước đọng.
- Chúng có khả năng truyền mầm bệnh sốt rét.

Cần phải phân biệt chính xác vì ở đâu có muỗi Anôphen thì ở đó có khả năng lây lan bệnh sốt rét và cần phải diệt trừ chúng ngay.

2. Đề thi giữa HK1 Sinh học 7

2.1. Đề thi giữa HK1 Sinh học 7 số 1

TRƯỜNG THCS HOÀNG HOA THÁM

ĐỀ THI GIỮA HK1 SINH HỌC 7

Năm học 2021 - 2022

Môn: Sinh học 7

I. TRẮC NGHIỆM: (4 điểm) Hãy chọn phương án trả lời đúng nhất:

Câu 1. Trùng roi xanh có điểm nào giống với tế bào thực vật ?

- A. Có hạt dự trữ
- B. Có diệp lục
- C. Có roi
- D. Có điểm mắt

Câu 2. Khi gặp điều kiện bất lợi trùng roi xanh có hiện tượng gì ?

- A. Đa số bị chết
- B. Kết bào xác
- C. Sinh sản nhanh
- D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu 3. Cách dinh dưỡng của trùng biến hình ?

- A. Chân giả thứ nhất tiếp cận môi lập tức hình thành chân giả thứ hai vây lấy môi.
- B. Hai chân giả kéo dài nuốt môi vào sâu trong chất nguyên sinh.
- C. Không bào tiêu hoá, tiêu hoá môi nhờ dịch tiêu hoá.
- D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu 4. Cấu tạo của trùng giày ?

- 1. Trùng giày là động vật đơn bào nhưng cấu tạo của cơ thể đã hoá thành nhiều bộ phận như nhân lớn, nhân nhỏ, không co bóp, miệng, hậu.
- 2. Mỗi bộ phận đảm nhiệm một chức năng nhất định.
- 3. Có lông bơi phủ khắp cơ thể.
- 4. Có chân giả

- A. 1, 2, 3 B. 2, 3, 4.
- C. 1, 3, 4. D. 1, 2, 4.

Câu 5. Đặc điểm của trùng kiết lị ?

- 1. Có chân giả
- 2. Có hình thành bào xác, bào xác tồn tại ngoài thiên nhiên được 9 tháng.
- 3. Sống kí sinh trong ruột người.
- 4. Sống tự do ngoài thiên nhiên

- A. 1, 2, 4. B. 1, 2, 3.
- C. 2, 3, 4. D. 1, 3, 4

Câu 6. Nêu cấu tạo của sán lá gan ?

- 1. Cơ thể hình lá dẹp, dài 2 - 5 cm.
- 2. Mắt lông bơi tiêu giảm, giác bám phát triển

3. Cơ dọc, cơ vòng và cơ lưng bụng phát triển thích nghi với môi trường kí sinh.

3. Kí sinh trong gan, mật trâu, bò

A. 1, 2, 4 B. 2, 3, 4

C. 1, 3, 4. D. 1, 2, 3.

Câu 7. Loài nào sau đây xâm nhập vào cơ thể người qua da ?

A. Sán lá gan

B. Sán bã trầu

C. Sán dây (sán sơ mít)

D. Sán lá máu.

Câu 8. Bò sát, bọ cạp phân bố ở vùng khí hậu nào ?

A. Nhiệt đới B. Xích đạo

C. Ôn đới D. Vùng cực

II. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 1. Nêu đặc điểm chung của ngành Giun đốt ?

Câu 2. Trình bày sự khác nhau trong sinh sản vô tính mọc chồi của san hô và thủy tức ? Cảnh san hô thường dùng trang trí là bộ phận nào của chúng ?

Câu 3. Đặc điểm của giun đũa khác với sán lá gan ?

ĐÁP ÁN

I. TRẮC NGHIỆM: (4 điểm)

1	2	3	4	5	6	7	8
B	B	D	A	B	D	D	B

II. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 1. Đặc điểm chung của ngành Giun đốt:

Giun đốt (gồm: giun đất, rươi, đũa, giun đũa...) đa dạng về loài, lối sống và môi trường sống. Giun đốt có chung đặc điểm như:

- Cơ thể phân đốt
- Có thể xoang
- Ống tiêu hoá phân hoá

- Bắt đầu có hệ tuần hoàn
- Di chuyển nhờ chi bên, tơ hay hệ cơ của thành cơ thể
- Hô hấp qua da hay mang
- Giun đốt có vai trò lớn đối với hệ sinh thái và đời sống con người.

Câu 2. * Sự khác nhau trong sinh sản vô tính mọc chồi của san hô và thủy tức

Thủy tức	San hô
Khi chồi đạt đến một kích thước xác định thì cá thể con tách khỏi cá thể mẹ và tự phát triển.	Khi sinh sản nảy chồi cá thể con không tách khỏi cá thể mẹ mà tạo thành một khối (tập đoàn san hô)

* Bộ phận thường được dùng để trang trí của san hô:

Cành san hô thường được dùng để trang trí là một tập đoàn san hô gồm các cá thể mẹ và các chồi cá thể con tạo thành khối hình cành cây, chúng đã tạo khung xương đá vôi chung và các cá thể này có khoang ruột thông với nhau.

Câu 3: Đặc điểm của giun đũa và sán lá gan:

	Giun đũa	Sán lá gan
Cấu tạo ngoài	<ul style="list-style-type: none"> - Dài 25cm. - Vỏ cuticun bọc ngoài, không bị dịch tiêu hoá trong ruột người tiêu hóa 	<ul style="list-style-type: none"> - Dài 2 - 5cm
Hình dạng	Hình ống	Hình lá dẹp, màu đỏ máu.
Cấu tạo trong	<ul style="list-style-type: none"> - Thành cơ thể có lớp biểu bì và lớp cơ dọc phát triển. Lớp cơ dọc phát triển → dài cong, duỗi cơ thể. - Miệng có 3 môi bé - Có hậu môn 	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ dọc. cơ vòng, cơ lưng bụng phát triển → di chuyển dễ dàng. - Giác bám phát triển - Không có hậu môn
Cơ quan sinh dục	Phân tính	Lưỡng tính

2.2. Đề thi giữa HK1 Sinh học 7 số 2

TRƯỜNG THCS NGUYỄN NGHIÊM

ĐỀ THI GIỮA HK1 SINH HỌC 7

Năm học 2021 - 2022

Môn: Sinh học 7

I. TRẮC NGHIỆM: (4 điểm)

Câu 1. Hãy chọn phương án trả lời đúng nhất:

1. Đặc điểm nào sau đây không phải là của san hô

- A. Cá thể có cơ thể hình trụ
- B. Tập đoàn cá thể con tạo thành khối
- C. Có gai độc tự vệ
- D. Thích nghi đời sống bơi lội

2. Trong cơ thể muỗi Anôphen trùng sốt rét sinh sản hữu tính có tác hại gì đến con người ?

- A. Để tăng số lượng trùng sốt rét
- B. Làm tăng sức sống trùng sốt rét
- C. Trở thành tác nhân gây bệnh nguy hiểm cho người
- D. Cả A, B và C đều đúng.

3. Trùng roi xanh tiến về phía ánh sáng được là nhờ:

- A. Diệp lục B. Roi
- C. Điểm mắt D. Câu B và C đúng.

Câu 2. Hãy chọn các đặc điểm thích nghi ở cột B tương ứng với các đại diện ở cột A rồi điền vào phần kết quả ở cột C để hoàn thành bảng sau:

Bảng. So sánh sán lông và sán lá gan.

Đại diện (A)	Các đặc điểm thích nghi (B)	Kết quả (C)
1. Sán lông	a, Có hai mắt	1.....
2. Sán lá gan	b, Mắt tiêu giảm	2.....

	<p>c, Có lông bơi</p> <p>d, Lông bơi tiêu giảm</p> <p>e, Không có giác bám</p> <p>f, Giác bám phát triển</p> <p>g, Có miệng, các nhánh ruột, chưa có hậu môn</p> <p>h, Hai nhánh ruột phân nhiều nhánh nhỏ k. Cơ quan sinh dục phát triển</p>	
--	---	--

II. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 1.

a. Căn cứ vào nơi sống của giun móc câu và giun kim, so sánh xem loài nào nguy hiểm hơn ? Loài nào dễ phòng tránh hơn ?

b, Do thói quen nào của trẻ mà giun khép kín vòng đời ?

Câu 2. Dựa vào đặc điểm nào để nhận biết đại diện ngành giun đốt ? Hãy nêu thêm tên một số giun đốt khác mà em biết ?

Câu 3. Trùng đế giày di chuyển, lấy thức ăn, tiêu hoá và thải bã như thế nào ?

ĐÁP ÁN

I. TRẮC NGHIỆM: (4 điểm)

Câu 1.

1	2	3
D	D	D

Câu 2.

1. a, c, e, h.

2. b, d, g, i, k.

II. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 1.

a. Mức độ nguy hiểm của giun móc câu và giun kim:

- Giun kim: kí sinh ở ruột già của người

- Giun móc câu: kí sinh ở tá tràng của người

- Giun móc câu nguy hiểm hơn do vị trí kí sinh của giun gây nguy hiểm cho sức khoẻ người nhiều hơn.
- Phòng tránh giun móc câu dễ hơn vì ta có thể ngăn ngừa giun xâm nhập bằng cách luôn đi giày dép, không đi chân đất, chân trần.

b, Thói quen của trẻ làm giun khép kín vòng đời.

- Khi giun xuống hậu môn đẻ trứng, chúng sẽ gây ngứa ngáy khó chịu. Khi trẻ bị ngứa, trẻ sẽ dùng tay gãi chỗ ngứa vô tình trứng giun sẽ dính vào kẽ móng tay; khi trẻ mút tay hay ăn bằng tay (dùng tay bốc thức ăn) trứng giun sẽ theo vào trong hệ tiêu hoá, vòng đời của giun được khép kín.

Câu 2. * Đặc điểm để nhận biết đại diện ngành giun đốt:

- Cơ thể phân đốt, đối xứng 2 bên; giác quan phát triển
- Có thể xoang (khoang cơ thể chính thức)
- Di chuyển bằng cách uốn mình nhờ các chi bên, tơ hay hệ cơ của thành cơ thể.

*Tên một số giun đốt khác:

- Giun biển, giun cát (sống trong hang), đĩa, vắt, rươi...

Câu 3. Trùng đế giày di chuyển, lấy thức ăn, tiêu hoá và thải bã như sau:

- Trùng đế giày sống trong môi trường nước (ao, hồ,...)

Trùng di chuyển bằng cử động của các tiêm mao bao bọc quanh cơ thể.

Thức ăn (các mảnh vụn hữu cơ, vi khuẩn...) vào cơ thể nhờ các tiêm mao, qua hầu, viên thức ăn được chứa trong không bào tiêu hoá, thức ăn được tiêu hoá thấm vào nguyên sinh chất, chất bã được thải ra theo lỗ thoát thành cơ thể.

2.3. Đề thi giữa HK1 Sinh học 7 số 3

TRƯỜNG THCS LÊ LỢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SINH HỌC 7

Năm học 2021 - 2022

Môn: Sinh học 7

I. TRẮC NGHIỆM: (4 điểm) Hãy chọn phương án trả lời đúng nhất:

Câu 1. Trùng sốt rét có cấu tạo như thế nào để thích nghi với kí sinh trong máu người ?

- A. Kích thước rất nhỏ
- C. Không có không bào
- B. Không có bộ phận di chuyển

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu 2. Đặc điểm chung của động vật nguyên sinh ?

1. Cơ thể động vật nguyên sinh chỉ có một tế bào, thực hiện đầy đủ các chức năng sống như di chuyển, dinh dưỡng, sinh sản.
2. Động vật nguyên sinh có các bào quan khác nhau: không bào tiêu hoá, không bào co bóp, điếm mắt...
3. Phần lớn sống ở nước, một số nhỏ sống ở đất ẩm và kí sinh.
4. Di chuyển bằng chân giả.
5. Phần lớn sinh sản vô tính.

A. 1, 2, 3, 5. B. 1, 2, 4, 5

C. 2, 3, 4, 5. D. 1, 3, 4, 5

Câu 3. Trong thiên nhiên trùng roi không có ở môi trường nào sau đây ?

- A. Ở trong nước ao (lớp váng màu xanh nổi trên mặt ao).
- B. Vũng nước mưa
- C. Ở dưới bùn, hoặc lớp váng nổi trên mặt nước chảy từ các chuồng nuôi gia súc.
- D. Có trong hồ, đầm, ruộng.

Câu 4. Loại tế bào chiếm phần lớn lớp ngoài của thành cơ thể và làm nhiệm vụ bảo vệ, che chở cho thủy tức là:

- A. Tế bào thần kinh
- B. Tế bào gai
- C. Tế bào mô bì cơ
- D. Tế bào hình sao

Câu 5. Tại sao máu của giun đất có màu đỏ?

- A. Vì máu mang sắc tố đỏ
- B. Vì máu chứa hồng cầu
- C. Vì máu mang sắc tố chứa sắt (Fe)
- D. Câu A và C đúng

Câu 6. Ở ven biển nước ta thường gặp loài ruột khoang cơ thể hình trụ, kích thước khoảng từ 2cm đến 5cm, có nhiều tua miệng xếp đối xứng và có màu rực rỡ như cánh hoa. Đó là:

- A. Thủy tức B. Sứa
C. Hải quỳ D. San hô

Câu 7. Loài nào sau đây kí sinh trong cơ thể người ?

- A. Đũa B. Vắt
C. Sán dây D. Sán lá gan

Câu 8. Loài nào sau đây có cơ quan sinh dục phân tính ?

- A. Sán lá gan, sán dây
B. Giun đũa, giun kim
C. Giun đất, giun chỉ
D. Đũa, rươi, giun đất.

II. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 1. Nêu đặc điểm chung của ngành Giun dẹp. Vì sao gọi là “dẹp” ?

Câu 2. Trình bày vòng đời phát triển của giun đũa. Nêu biện pháp phòng tránh bệnh giun kí sinh ở người?

Câu 3. Dinh dưỡng ở trùng sốt rét và trùng kiết lị khác nhau như thế nào ? Vì sao bệnh sốt rét thường xảy ra ở miền núi ?

ĐÁP ÁN

I. TRẮC NGHIỆM

1	2	3	4	5	6	7	8
D	A	C	C	C	C	C	B

II. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 1. * Đặc điểm chung của ngành Giun dẹp:

Giun dẹp dù sống kí sinh hay tự do đều có chung những đặc điểm như:

- Cơ thể dẹp
- Đối xứng 2 bên và phân biệt đầu đuôi, lưng bụng
- Ruột phân nhiều nhánh
- Chưa có ruột sau và hậu môn.

- Số lớn giun dẹp kí sinh còn có thêm: Giác bám, cơ quan sinh sản phát triển, ấu trùng phát triển qua các vật chủ trung gian.

*Gọi là ngành Giun dẹp vì thân giun dẹp, đối xứng 2 bên.

Câu 2. * Vòng đời phát triển của giun đũa:

- Trứng giun lặn vào phân người, có trong đất. bám trên gốc rau hay vỏ quả

- Gặp ẩm, thoáng trứng phát triển thành ấu trùng.

- ấu trùng trong trứng theo thức ăn vào ruột người, nở ra thành sâu trùng, sâu trùng theo máu đi qua gan, tim, phổi. Tại phổi, sâu trùng lớn dần, ngược theo khí quản vào thực quản rồi trở về ruột non.

- Giun đũa trưởng thành về ruột non lần 2 thì bắt đầu kí sinh tại đây.

*Biện pháp phòng tránh bệnh giun kí sinh ở người:

- Rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh

- Rửa rau quả sạch trước khi ăn; không ăn rau, quả chưa rửa kỹ; nên ngâm rau trong thuốc tím 5 phút hay rửa rau bằng nước muối loãng.

- Rửa tay sạch sau khi làm đất, trồng cây; trẻ con không nên nghịch đất bẩn.

- Không nên tưới hoa màu, các loại rau, cây ăn quả bằng phân tươi chưa qua hoai mục.

-Nên tẩy giun từ 1 - 2 lần trong năm.

Câu 3. * Dinh dưỡng ở trùng sốt rét và trùng kiết lị khác nhau như sau:

Trùng kiết lị	Trùng sốt rét
Nuốt và tiêu hoá hồng cầu, sinh trường và sinh sản.	Chui vào trong hồng cầu, dùng chất dinh dưỡng của hồng cầu để sinh trường, sinh sản rồi phá hồng cầu chui ra.

* Bệnh sốt rét thường xảy ra ở miền núi vì:

- Bệnh sốt rét lây truyền do muỗi Anôphen hút máu và truyền bệnh. Muỗi thích sống nơi tối, ẩm, muỗi sinh sản nơi vùng nước đọng: lăng quăng, ấu trùng muỗi sống trong nước.

- Vùng núi thường có nhiều rừng cây, bụi cây rậm rạp là nơi thích hợp cho muỗi sống: các hốc đá, vũng nước là nơi thích hợp cho muỗi sinh sản, ấu trùng lớn lên.

- Do vậy, vùng rừng núi thường có nhiều muỗi hơn nữa do nhận thức của người dân còn kém, họ không phòng tránh muỗi nên dễ bị muỗi chích, hút máu nên thường bị bệnh sốt rét.

2.4. Đề thi giữa HK1 Sinh học 7 số 4

TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN
ĐỀ THI GIỮA HK1 SINH HỌC 7
Năm học 2021 - 2022
Môn: Sinh học 7

I. TRẮC NGHIỆM: (4 điểm)

Câu 1. Hãy chọn phương án trả lời đúng nhất:

1. Đặc điểm nào sau đây không phải là của sứa ?

- A. Cơ thể hình dù
- B. Cơ thể hình trụ
- C. Thích nghi đời sống bơi lội
- D. Có tầng keo giúp trên mặt nước

2. Cách nuôi cấy trùng roi và trùng giày như thế nào?

- 1. Nguyên liệu nuôi là rom khô, thân và rễ bèo Nhật Bản, cỏ tươi...
- 2. Chặt nhỏ nguyên liệu thành các đoạn 2-3 cm, cho vào bình có nước mưa (dùng nan găm cho nguyên liệu không nổi lên.)
- 3. 5 ngày có trùng roi và trùng giày
- 4. 5 ngày đầu lớp váng có trùng roi
- 5. 7 ngày tiếp theo mới có trùng giày.

A. 1, 2, 3, 4 B. 2, 3, 4, 5

C. 1, 2, 4, 5. D. 1, 2, 3, 5.

3. Đặc điểm nào sau đây không phải là của hải quỳ ?

- A. Cơ thể hình dù
- B. Cơ thể hình trụ
- C. Thích nghi đời sống bám bờ đá
- D. Ăn động vật nhỏ.

4. Mức độ tổ chức cơ thể của ngành giun nào cao nhất ?

B. Giun chuẩn bị bò

A. Thu mình làm phồng đoạn đầu, thu đoạn đuôi

D. Dùng toàn thân và vòng tơ làm chỗ dựa vươn đầu về phía trước.

C. Tiếp tục thu mình lại kéo toàn bộ cơ thể di chuyển.

II. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 1. Vẽ và chú thích cấu tạo cơ thể trùng giày.

- Vẽ đúng: (hình 3.1 tr 14 - SGK)

- Chú thích đúng.

Câu 2. Động vật nguyên sinh có đặc điểm chung là:

- Cơ thể có kích thước hiển vi

- Chỉ là một tế bào nhưng đảm nhiệm mọi chức năng sống

- Phần lớn: di dưỡng, di chuyển bằng chân giả, lông bơi hay roi bơi hoặc tiêu giảm.

- Sinh sản vô tính theo kiểu phân đôi.

- Chúng có vai trò là: Thức ăn của nhiều động vật lớn hơn trong nước, chỉ thị về độ sạch của môi trường nước. Một số không nhỏ động vật nguyên sinh gây ra nhiều bệnh nguy hiểm cho động vật và người.

Câu 3. * Dinh dưỡng của giun đất:

- Sinh vật tự do trong đất ẩm

- Giun ăn đất, mảnh vụn, xác bã động thực vật, thải ra một loại đất xốp (phân giun).

* Lợi ích của giun đất trong trồng trọt:

- Giun đào hang, di chuyển hình thành các hang nhỏ ăn thông trong đất làm đất tơi xốp hơn, rễ cây hoạt động tốt hơn.

- Giun ăn đất (những nơi đất khô ráo giun sẽ tiết nước ra làm cho đất ẩm)

- Giun ăn mảnh vụn, xác bã động thực vật và thải phân ra ngoài là một loại đất xốp, tăng tính chịu nước, chịu ẩm, tăng độ mùn, dễ hoà tan khoáng, tăng cường hoạt động của vi sinh vật. Do vậy giun rất có ích cho nhà nông.

2.5. Đề thi giữa HK1 Sinh học 7 số 5

TRƯỜNG THCS TRẦN CAO VÂN

ĐỀ THI GIỮA HK1 SINH HỌC 7**Năm học 2021 - 2022****Môn: Sinh học 7****I. Trắc nghiệm: (3đ)****Em hãy khoanh tròn vào chữ cái đầu câu trả lời đúng duy nhất trong các câu sau:****Câu 1.** Vì sao sứa thích nghi được với đời sống di chuyển tự do?

- A. Cơ thể có nhiều tua.
- B. Ruột dạng túi.
- C. Cơ thể hình dù, có tầng keo dày để dễ nổi, lỗ miệng quay xuống dưới.
- D. Màu sắc cơ thể sặc sỡ.

Câu 2. Thủy tức di chuyển bằng cách nào?

- A. Bằng lông bơi và roi bơi.
- B. Theo kiểu sâu đo và lộn đầu.
- C. Theo kiểu sâu đo và roi bơi.
- D. Theo kiểu lộn đầu và lông bơi.

Câu 3. Vì sao nói động vật đem lại lợi ích cho con người?

- A. Vì động vật cung cấp nguyên liệu, dùng cho học tập, nghiên cứu và các hỗ trợ khác.
- B. Vì động vật cung cấp nguyên liệu và truyền bệnh cho con người.
- C. Vì động vật rất đa dạng và phong phú.
- D. Vì động vật gần gũi với con người.

Câu 4. Các biện pháp phòng chống bệnh sốt rét là:

- A. Ăn uống phải hợp vệ sinh.
- B. Tiêu diệt muỗi, nằm màn, diệt muỗi và ấu trùng muỗi.
- C. Vệ sinh thân thể, rửa tay sạch trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh.
- D. Không cần làm gì cả vì bệnh sốt rét không lây qua người.

Câu 5. Sự sinh sản vô tính mọc chồi ở san hô khác thủy tức ở điểm:

- A. Khi sinh sản cơ thể con dính liền với cơ thể mẹ.
- B. Hình thành tế bào trứng và tinh trùng.
- C. Sinh sản mọc chồi, cơ thể con không dính liền cơ thể mẹ.
- D. Cơ thể phân đôi hình thành hai cơ thể mới.

Câu 6. Đặc điểm phân biệt động vật và thực vật là:

- A. Có hệ thần kinh và giác quan
- B. Có khả năng di chuyển
- C. Dị dưỡng
- D. Tất cả các ý trên

II. Tự luận: (7đ)

Câu 1. Trình bày đặc điểm chung và vai trò thực tiễn của ngành Động vật Nguyên sinh? (3 đ)

Câu 2. Mô tả vòng đời kí sinh của sán lá gan? (2đ)

Câu 3: Giun đũa gây ra những tác hại gì đối với sức khỏe con người? Nêu các biện pháp phòng chống giun đũa kí sinh ở người? (2đ)

ĐÁP ÁN

I. Trắc nghiệm: (5đ) Mỗi ý đúng cho 0.5đ

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	C	B	A	B	A	D

II. Phần Tự Luận

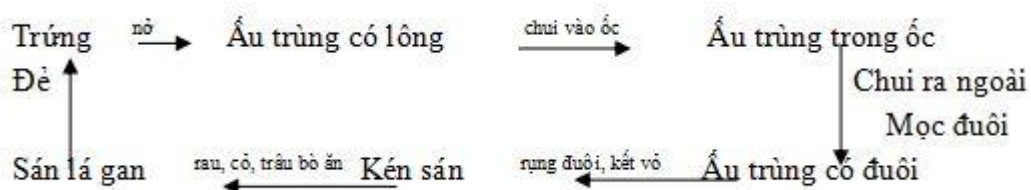
Câu 1. Đặc điểm chung của ngành Động vật nguyên sinh: (3đ)

- Cơ thể có kích thước hiển vi.
- Cơ thể chỉ gồm 1 tế bào nhưng đảm nhận mọi chức năng của cơ thể sống.
- Phần lớn dị dưỡng, di chuyển bằng chân giả, lông hoặc roi bơi hoặc tiêu giảm. sinh sản vô tính bằng phân đôi.

Vai trò:

- Làm thức ăn cho động vật nhỏ, đặc biệt là giáp xác nhỏ. Ví dụ: trùng biến hình,...
- Có ý nghĩa về địa chất. Ví dụ: trùng lỗ,...
- Chỉ thị cho môi trường. Ví dụ: trùng roi,...
- Một số gây bệnh cho động vật và con người. Ví dụ: trùng sốt rét,...

Câu 2. Vòng đời kí sinh của sán lá gan: (2 đ)



Câu 3.

- Tác hại của giun đũa đối với sức khỏe con người: (1,0 điểm)
- + Lấy chất dinh dưỡng
- + Gây tắc ruột.
- + Gây tắc ống mật.
- + Tiết độc tố gây hại cho cơ thể người

Các biện pháp phòng chống giun sán kí sinh ở người: (1đ)

- Vệ sinh thân thể như: rửa tay trước khi ăn, tắm giặt hằng ngày, không đi chân đất,...
- Vệ sinh trong ăn uống: ăn chín, uống sôi, không ăn thịt tái, hạn chế ăn rau sống,...
- Vệ sinh môi trường: quét dọn nhà cửa, khơi thông nước đọng,...
- Uống thuốc tẩy giun định kì: 6 tháng 1 lần.

2.6. Đề thi giữa HK1 Sinh học 7 số 6

TRƯỜNG THCS NGÔ QUYỀN
ĐỀ THI GIỮA HK1 SINH HỌC 7

Năm học 2021 - 2022

Môn: Sinh học 7

Phần I. Trắc nghiệm khách quan (3.0 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng nhất trong các câu sau:

Câu 1. Động vật nguyên sinh nào sau đây có lối sống kí sinh?

- A. Trùng roi xanh C. Trùng biến hình
B. Trùng giày D. Trùng kiết lị

Câu 2. Khi mổ các động vật không xương cần chú ý điều gì?

- A. Mổ ở mặt bụng C. Mổ ở các vị trí đều được
B. Mổ ở mặt lưng D. Mổ ở mặt bên

Câu 3. Nhóm động vật nào sau đây gồm toàn các loài thuộc ngành ruột khoang?

- A. Thủy tức, giun kim, giun đũa C. Sứa, san hô, thủy tức
B. Lươn, mực, bạch tuộc D. Hải quỳ, sao biển, ốc sên

Câu 4. Cơ thể là một tế bào hình thoi, đuôi nhọn đầu tù và có một roi dài. Roi xoáy vào nước giúp chúng di chuyển là đặc điểm của động vật nguyên sinh nào?

- A. Trùng roi xanh. C. Trùng biến hình.
B. Trùng giày. D. Trùng kiết lị.

Câu 5. Trùng roi có màu xanh lá cây nhờ:

- A. Sắc tố ở màng cơ thể. C. Màu sắc của điểm mắt.
B. Màu sắc của các hạt diệp lục. D. Sự trong suốt của màng cơ thể.

Câu 6. Loài ruột khoang nào sau đây có ý nghĩa lớn về mặt sinh thái ở biển?

- A. Sứa B. San hô C. Hải quỳ D. Thủy tức

Câu 7. Trùng kiết lị giống trùng biến hình ở đặc điểm nào trong số các đặc điểm sau đây:

Câu hỏi	Đáp án	Điểm
1	Vai trò của Động vật nguyên sinh trong thực tiễn - Thức ăn của nhiều động vật lớn hơn trong nước - Chỉ thị về độ sạch của môi trường nước - Một số ĐVNS gây bệnh nguy hiểm cho người và động vật	0.5 0.5 1
2	Ngành ruột khoang có đặc điểm chung: - Đối xứng tỏa tròn - Ruột dạng túi - Cấu tạo cơ thể gồm 2 lớp tế bào - Tế bào gai để tự vệ và tấn công	2.0 đ
3	a) Các biện pháp phòng chống giun sán kí sinh - Giữ vệ sinh môi trường, vệ sinh cá nhân - Giữ vệ sinh ăn uống - Uống thuốc tẩy giun định kì (hs nêu biện pháp cụ thể) b) Tỷ lệ nhiễm giun sán kí sinh ở nước ta do các nguyên nhân sau: - Việt Nam có khí hậu nhiệt đới gió mùa tạo điều kiện thuận lợi cho giun sán phát triển. - Việc giữ vệ sinh môi trường, vệ sinh ăn uống thực hiện chưa tốt.	

	- Nhiều vùng sản xuất nông nghiệp nông dân vẫn có thói quen sử dụng phân tươi để bón cho cây trồng - Ý thức giữ gìn vệ sinh cá nhân còn hạn chế	
--	--	--

2.7. Đề thi giữa HK1 Sinh học 7 số 7

TRƯỜNG THCS XUÂN NGỌC
ĐỀ THI GIỮA HK1 SINH HỌC 7
Năm học 2021 - 2022
Môn: Sinh học 7

I, TRẮC NGHIỆM: (3 điểm) Hãy chọn phương án trả lời đúng nhất:

Câu 1. Trùng biến hình di chuyển nhờ:

- A. Roi
- B. Lông bơi
- C. Chân giả
- D. Cả A, B, C đều sai

Câu 2. Môi tiêu hoá được xenlulôzơ là nhờ:

- A. Trong ruột mỗi có nhiều trùng roi kí sinh
- B. Trong ruột mỗi có nhiều trùng biến hình cộng sinh
- C. Trong cơ thể mỗi tiết ra enzym tiêu hóa xenlulôzơ
- D. Cả A, B, C đều sai

Câu 3. Thủy tức thải chất bã ra khỏi cơ thể qua:

- A. Lỗ miệng
- B. Tế bào gai
- C. Màng tế bào
- D. Không bào tiêu hóa

Câu 4. Để phòng tránh giun móc câu ta phải:

- A. Rửa tay sạch trước khi ăn
- B. Không đi chân đất

- C. Không ăn rau sống
- D. Tiêu diệt ruồi, nhặng trong nhà

Câu 5. Đặc điểm được phân biệt giun đốt với giun tròn là:

- A. Có khoang cơ thể chính thức
- B. Có khoang cơ thể chưa chính thức
- C. Cơ thể phân đốt, ống tiêu hóa phân hóa
- D. Câu A và C đúng

Câu 6. Rươi sống được ở môi trường nào?

- A. Nước ngọt
- B. Nước mặn
- C. Nước lợ
- D. Cả A, B, C đều đúng

II, TỰ LUẬN (7 điểm)

Câu 1. Trình bày đặc điểm cấu tạo ngoài của giun đất thích nghi với đời sống trong đất.

Câu 2. Nêu điểm khác nhau (về kích thước, con đường truyền bệnh, nơi kí sinh, tác hại, tên bệnh) giữa trùng kiết lị và trùng sốt rét.

Câu 3. Theo em giun đũa gây ra tác hại như thế nào đối với sức khỏe con người ?

Câu 4. Tại sao tỉ lệ mắc bệnh giun đũa ở nước ta lại cao ?

ĐÁP ÁN

I. TRẮC NGHIỆM: (3 điểm)

1	2	3	4	5	6
C	A	A	B	D	C

Câu 1. Trùng biến hình di chuyển nhờ: Chân giả

Chọn C

Câu 2. Môi tiêu hoá được xenulôzơ là nhờ: Trong ruột mới có nhiều trùng roi kí sinh

Chọn A

Câu 3. Thủy tức thải chất bã ra khỏi cơ thể qua: Lỗ miệng

Chọn A

Câu 4. Để phòng tránh giun móc câu ta phải: Không đi chân đất

Chọn B

Câu 5. Đặc điểm được phân biệt giun đốt với giun tròn là:

- Có khoang cơ thể chính thức
- Có khoang cơ thể chưa chính thức
- Cơ thể phân đốt, ống tiêu hóa phân hóa

Chọn D

Câu 6. Rươi sống được ở môi trường Nước lợ

Chọn C

II. TỰ LUẬN (7điểm)

Câu 1. Đặc điểm cấu tạo ngoài của giun đất thích nghi với đời sống trong đất:

- Cơ thể dài, hình ống, phân đốt, có đối xứng 2 bên, khó phân biệt phần đầu và phần đuôi.
- Ở phần đầu, cơ thể có vòng tơ ở xung quanh mỗi đốt.
- Thành cơ bụng phát triển, phần bụng cơ thể có các móc bám giúp giun di chuyển trong đất bằng cách co giãn cơ thể (giun bò, trườn mình tới trước, dùng móc phần bụng bám xuống đất, rồi kéo theo phần sau cơ thể).
- Ống tiêu hoá phân hoá khá rõ với miệng, hầu, thực quản, diều, dạ dày cơ, ruột tịt: Giúp giun ăn đất, mảnh vụn, xác bã động thực vật và thải phân ra ngoài là một loại đất xốp.

Câu 2. Điểm khác nhau (về kích thước, con đường truyền bệnh, nơi kí sinh, tác hại, tên bệnh) giữa trùng kiết lị và trùng sốt rét:

Các đặc điểm cần so sánh Đối tượng So sánh	Kích thước (so với hồng cầu)	Con đường truyền dịch bệnh	Nơi kí sinh	Tác hại	Tên bệnh
Trùng kiết lị	Lớn hơn hồng cầu	Qua ăn uống	Ở thành ruột người.	Viêm loét ruột, mất máu → làm suy nhược cơ thể	Bệnh kiết lị

Trùng sốt rét	Bé hơn hồng cầu	Qua muỗi đốt	Trong máu người, thành ruột và tuyến nước bọt muỗi Anôphen.	Phá hủy hồng cầu gây thiếu máu, suy nhược cơ thể nhanh.	Bệnh sốt rét.
---------------	-----------------	--------------	---	---	---------------

Câu 3. Giun đũa gây ra tác hại rất lớn đối với sức khỏe con người:

- Giun đũa hút chất dinh dưỡng trong cơ thể, giun còn sinh ra độc tố làm hại cho việc tiêu hoá và hấp thụ chất dinh dưỡng.
- Giun còn gây tắc ruột, tắc ống mật. Giun nhiều, khi di chuyển trong vòng đời có thể lên não gây tổn hại nghiêm trọng cho người.
- Một người mắc bệnh giun đũa sẽ trở thành một “ô” để phát tán bệnh này cho cộng đồng. Vì thế ở nhiều nước phát triển, trước khi cho người ở nơi khác đến nhập cư, người ta yêu cầu họ phải tẩy rửa giun sán trước.

Câu 4. Tỷ lệ mắc bệnh giun đũa ở nước ta cao do:

- Môi trường nhiệt đới nóng ẩm thích hợp cho giun phát triển
- Nhà tiêu, hố xí... chưa hợp vệ sinh, tạo điều kiện cho giun phát triển
- Ruồi, nhặng ... còn nhiều góp phần phát tán bệnh giun đũa.
- Trình độ vệ sinh cộng đồng thấp: Tưới rau xanh bằng phân tươi; ăn rau sống, bán quà bánh ven đường nhiều bụi bặm, nhiều ruồi nhặng; chưa có thói quen giữ gìn vệ sinh chung (ít có nhà vệ sinh công cộng, nhà vệ sinh công cộng không sạch...).
- Chúng ta cũng chưa có thói quen kiểm tra sức khỏe định kỳ, xổ giun định kỳ cho trẻ em.

2.8. Đề thi giữa HK1 Sinh học 7 số 8

TRƯỜNG THCS NGUYỄN NGHIÊM

ĐỀ THI GIỮA HK1 SINH HỌC 7

Năm học 2021 - 2022

Môn: Sinh học 7

I. TRẮC NGHIỆM: (3 điểm) Hãy chọn phương án trả lời đúng nhất:

Câu 1. Nguyên nhân truyền bệnh sốt rét là do

A. Muỗi vẫn

- B. Muỗi Anôphen
- C. Ruồi, nhặng
- D. Vi khuẩn

Câu 2. Thủy tức sinh sản theo các hình thức nào sau đây ?

- A. Tái sinh
- B. Sinh sản hữu tính
- C. Mọc chồi
- D. Cả A, B, C đúng

Câu 3. Đặc điểm khác biệt của sứa so với thủy tức là:

- A. Di chuyển bằng dù
- B. Đối xứng tỏa tròn
- C. Tua miệng gây ngứa
- D. Câu A và C đúng

Câu 4. Trùng sốt rét nhiệt đới (ác tính) có chu kì sinh sản là:

- A. 48 giờ B. 24 giờ
- C. 12 giờ D. Cả A, B, C đều sai

Câu 5. Loài giun đốt nào sau đây hô hấp bằng mang ?

- A. Đia, rươi
- B. Giun đỏ, róm biển
- C. Rươi
- D. Bông thùa

Câu 6. Trong cơ thể người, giun kim kí sinh ở:

- A. Ruột non B. Ruột già
- C. Hậu môn D. Tá tràng

II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Câu 1. Đặc điểm nào của sán dây thích nghi với đời sống ký sinh trong ruột người ? Sán lá gan, sán dây, sán bã trầu, sán lá máu xâm nhập vào cơ thể vật chủ qua các con đường nào?

Câu 2. Trình bày đặc điểm cấu tạo của giun đũa thích nghi với đời sống kí sinh.

Câu 3. Theo em cần phải có những biện pháp gì để phòng chống bệnh giun sán ?

Câu 4. Tại sao nói việc phòng chống bệnh giun sán là một vấn đề lâu dài của xã hội?

ĐÁP ÁN

I. TRẮC NGHIỆM: (3 điểm)

1	2	3	4	5	6
B	D	D	B	C	B

Câu 1. Nguyên nhân truyền bệnh sốt rét là do Muỗi Anôphen

Chọn B

Câu 2. Thủy tức sinh sản theo các hình thức:

- Tái sinh
- Sinh sản hữu tính
- Mọc chồi

Chọn D

Câu 3. Đặc điểm khác biệt của sứa so với thủy tức là:

- Di chuyển bằng dù
- Tua miệng gây ngứa

Chọn D

Câu 4. Trùng sốt rét nhiệt đới (ác tính) có chu kì sinh sản là: 24 giờ

Chọn B

Câu 5. Rươi hô hấp bằng mang

Chọn C

Câu 6. Trong cơ thể người, giun kim kí sinh ở: Ruột già

Chọn B

II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Câu 1. Đặc điểm thích nghi với đời sống ký sinh của sán dây là:

- Đầu nhỏ có giác bám, không có miệng và hậu môn
- Ruột tiêu giảm, bề mặt cơ thể hấp thụ chất dinh dưỡng
- Mỗi đốt mang một cơ quan sinh dục lưỡng tính, các đốt cuối mang trứng.

* Sán lá gan, sán dây, sán bã trầu, sán lá máu xâm nhập vào cơ thể vật chủ qua các con đường sau:

	Con đường xâm nhập
Sán lá gan	Xâm nhập vào cơ thể trâu bò qua thức ăn có chứa kén sán.
Sán lá máu	Xâm nhập vào cơ thể người qua da.
Sán bã trầu	Kén sán xâm nhập vào cơ thể qua thức ăn, rau bèo; vật chủ trung gian là ốc gạo, ốc mút.
Sán dây (sán xơ-mit)	Ấu trùng xâm nhập vào cơ thể động vật qua thức ăn của trâu, bò, heo, rồi phát triển thành kén sán nằm trong thịt trâu, bò, heo gạo; người ăn thịt trâu, bò, heo bệnh và bị sán.

Câu 2. * Đặc điểm cấu tạo của giun đũa thích nghi với đời sống kí sinh:

- Cơ thể dài bằng chiếc đũa

- Lớp vỏ cuticun bọc ngoài cơ thể có tác dụng như bộ áo giáp giúp giun đũa không bị tiêu huỷ bởi các dịch tiêu hoá trong ruột non người

- Cơ thể hình ống

- Thành cơ thể có lớp biểu bì và lớp cơ dọc phát triển. Bên trong là khoang cơ thể chưa chính thức.

- Cơ thể chỉ có lớp cơ dọc phát triển —> thích hợp với động tác chui rúc trong môi trường kí sinh

Câu 3. * Biện pháp phòng tránh bệnh giun kí sinh ở người:

- Rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh

- Rửa rau quả sạch trước khi ăn; không ăn rau, quả chưa rửa kỹ; nên ngâm rau trong thuốc tím 5 phút hay rửa rau bằng nước muối.

- Rửa tay sạch sau khi làm đất, trồng cây; trẻ con không nên nghịch đất bả.

- Không nên tưới hoa màu, các loại rau, cây ăn quả bằng phân tươi chưa qua hoại mục.

- Nên tẩy giun từ 1 - 2 lần trong năm.

Câu 4. Biện pháp chủ yếu phòng chống giun đũa là cần ăn uống vệ sinh, không ăn rau sống, không uống nước lã, rửa tay trước khi ăn, dùng lồng bàn, diệt trừ ruồi nhặng kết hợp với vệ sinh xã hội ở cộng đồng. Vì thế phòng chống bệnh giun sán còn là vấn đề lâu dài của cộng đồng, xã hội.

2.9. Đề thi giữa HK1 Sinh học 7 số 9

TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG
ĐỀ THI GIỮA HK1 SINH HỌC 7

Năm học 2021 - 2022

Môn: Sinh học 7

I/ Phần trắc nghiệm khách quan : (3 điểm.)

Hãy khoanh tròn vào câu mà em cho là đúng nhất.

Câu 1/ Trùng roi sinh sản bằng cách : (0,25 điểm)

- A. Phân đôi theo chiều ngang cơ thể. C. phân đôi theo chiều bất kì cơ thể.
B. phân đôi theo chiều dọc cơ thể. D. Cách sinh sản tiếp hợp.

Câu 2. Động vật sau đây được xếp vào lớp trùng chân giả là : (0.25 đ)

- A. Trùng giày. C. Trùng roi.
B. Trùng biến hình. D. Tập đoàn vôn vốc.

Câu 3/ Thủy tức sinh sản vô tính theo hình thức : (0.25 đ)

- A. Nảy chồi và tái sinh. C. Chỉ có tái sinh.
B. Chỉ nảy chồi. D. Phân đôi.

Câu 4/ Chức năng của tế bào gai ở thủy tức là :

- A. Hấp thu chất dinh dưỡng. C. Tham gia vào hoạt động bắt mồi.
B. Tiết chất để tiêu hóa thức ăn. D. Giúp cơ thể di chuyển.

Câu 5 / Đặc điểm nào sau đây giúp sán lá gan thích nghi lối sống kí sinh : (0,25đ)

- A. Các nội quan tiêu biến. C. Mắt lông bơi phát triển.
B. Kích thước cơ thể to lớn. D. Giác bám phát triển.

Câu 6 / Trâu bò nước ta mắc bệnh sán lá gan nhiều là do : (0,25 đ)

- A. Trâu bò thường làm việc ở các ruộng ngập nước.

- B. Ngâm mình tắm mát ở nước bẩn.
 C. Trâu, bò ăn rau, cỏ không được sạch, có kén sán.
 D. Uống nước có nhiều ấu trùng sán.

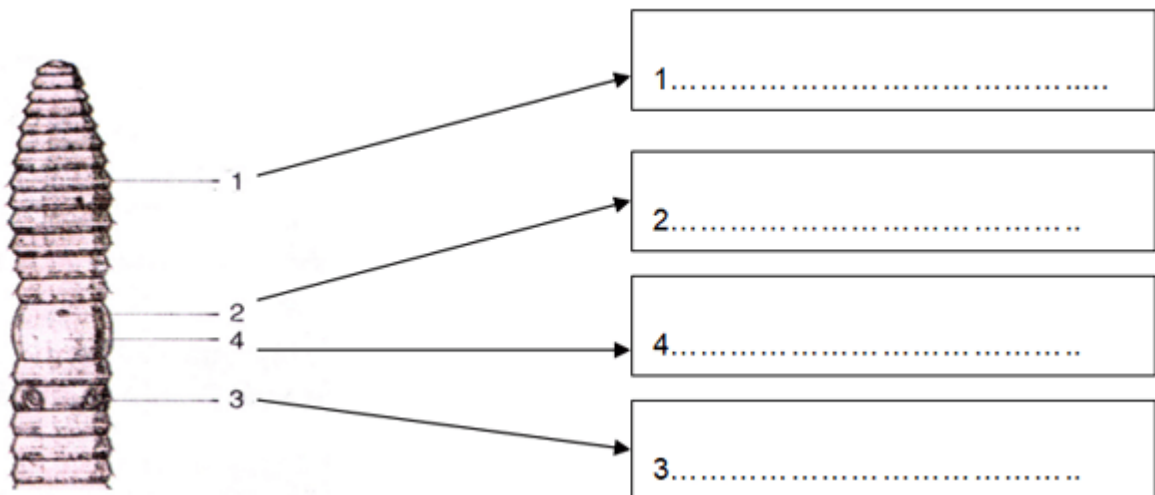
Câu 7/ Nơi sống chủ yếu của giun kim là : (0.25 đ)

- A. Ruột non của thú. C. Ruột cây lúa.
 B. Ruột già của người. D. Máu của động vật.

Câu 8/ Nhóm giun được xếp cùng ngành với nhau là : (0,25đ)

- A. Giun đũa, giun kim, giun móc câu.
 B. Giun đũa, giun dẹp, giun chỉ.
 C. Sán lá gan, sán dây, giun rế lúa.
 D. Giun móc câu, sán bã trầu, giun kim.

Câu 9 / Điền chú thích vào hình cấu tạo ngoài của giun đất : (1đ)



II / Phần tự luận : (7 điểm)

Câu 1 : Muối và bệnh sốt rét có liên quan gì? Tại sao miền núi thường mắc bệnh sốt rét cao, đề phòng bệnh sốt rét ta phải làm gì ? (1,5 điểm).

Câu 2 : Trình bày vòng đời của sán lá gan, đề phòng bệnh giun sán ta phải làm gì ? (2,5 điểm).

Câu 3 : Lối sống cộng sinh giữa hải quỳ và tôm có ý nghĩa gì ? (1,5 điểm)

Câu 4 : Giun đất đào hang di chuyển trong đất giúp gì cho trồng trọt của nhà nông? Tại sao nói giun đất là bạn của nhà nông ? (1,5 điểm).

ĐÁP ÁN

Phần I: Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0.25 điểm)

Câu 1: D

Câu 2: C

Câu 3.

1	2	3	4
C	A	D	B

Phần II: Tự luận (7 điểm)

Câu 1.

Học sinh nêu được những biểu hiện	Điểm
- Giun sán kí sinh hút chất dinh dưỡng của vật chủ làm cho cơ thể vật chủ gầy, yếu, xanh xao, chậm phát triển.	1 đ
- Các biện pháp phòng tránh giun sán: vệ sinh ăn uống, vệ sinh cơ thể, vệ sinh môi trường...	1đ

Câu 2.

Học sinh nêu được	Điểm
Giun đũa chui vào được ống mật nhờ đặc điểm:	0.5đ
<ul style="list-style-type: none"> • Đầu rất nhỏ chỉ bằng đầu kim • Cơ thể thon nhọn hai đầu 	0.5đ

Hậu quả:	0.5đ
<ul style="list-style-type: none"> Giun đũa chui vào ống mật, gây tắc ống dẫn mật, viêm túi mật, vàng da do ứ mật, gây đau bụng dữ dội. 	0.5đ

Câu 3.

	Tên
Nơi sống: trong đất ẩm	0.2đ
Hoạt động kiếm ăn: ban đêm	0.2 đ
Cơ thể dài, thuôn 2 đầu.	0.2đ
Phân đốt, mỗi đốt có vòng tơ (chi bên).	0.2đ
Chất nhày → da trơn.	0.2đ
Có đai sinh dục và lỗ sinh dục.	0.2đ
Có khoang cơ thể chính thức, chứa dịch.	0.2đ
Hệ tiêu hoá: phân hoá rõ: lỗ miệng, hầu, thực quản diều, dạ dày cơ, ruột tịt, hậu môn.	0.2đ
Hệ tuần hoàn: Mạch lưng, mạch bụng, vòng hầu (tim đơn giản), tuần hoàn kín.	0.2đ
Hệ thần kinh: chuỗi hạch thần kinh, dây thần kinh.	0.2đ

2.10. Đề thi giữa HK1 Sinh học 7 số 10

TRƯỜNG THCS TÂN THẠNH
ĐỀ THI GIỮA HK1 SINH HỌC 7

Năm học 2021 - 2022

Môn: Sinh học 7

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm)

Em hãy khoanh tròn vào chữ cái đầu câu trả lời đúng duy nhất trong các câu sau (1,0 điểm)

Câu 1. Vì sao Sứa thích nghi được với đời sống di chuyển tự do?

- A. Cơ thể có nhiều tua.
- B. Ruột dạng túi.
- C. Cơ thể hình dù, có tầng keo dày để dễ nổi, lỗ miệng quay xuống dưới.
- D. Màu sắc cơ thể sặc sỡ.

Câu 2. Trùng biến hình di chuyển bằng bộ phận nào?

- A. roi
- B. lông bơi
- C. chân giả
- D. không có bộ phận di chuyển

Câu 3: Đặc điểm cơ quan sinh dục của Giun đũa là:

- A. chưa phân hóa
- B. phân tính
- C. lưỡng tính
- D. cả câu B và C

Câu 4: Ruột khoang có số lượng loài khoảng?

- A. 10000 loài
- B. 15000 loài
- C. 20000 loài
- D. 25000 loài

Câu 5: Tìm các cụm từ (tiến và xoay, phân đôi cơ thể, tiếp hợp, đơn bào, đa bào, màng cơ thể, thành cơ thể) phù hợp điền vào chỗ trống (1,0 điểm)

Trùng roi xanh là một cơ thể động vật...(1)....., di chuyển nhờ roi, vừa...(2)....., dinh dưỡng dị dưỡng, hô hấp qua ...(3)....., bài tiết và điều chỉnh áp suất thẩm thấu nhờ không bào co bóp, sinh sản vô tính theo cách...(4).....

Câu 6: Nối cột A với B cho phù hợp: (1,0 điểm)

A	B
1. Sán lá máu	a. Kí sinh ở gan, mật trâu bò
2. Sán lá gan	b. Kí sinh ở ruột non người

3. Sán bã trầu	c. Kí sinh ở ruột lợn
4. Sán dây	d. Kí sinh trong máu người

II. PHẦN TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu 1: (2,0 điểm) Vẽ hình Cấu tạo cơ thể trùng roi xanh (chú thích rõ các bộ phận)

Câu 2: (3,0 điểm)

a/ Giun đũa có đặc điểm cấu tạo nào khác với Sán lá gan?

b/ Giun đũa gây tác hại gì đối với sức khỏe con người?

c/ Nêu biện pháp phòng chống giun sán kí sinh ở người.

Câu 3: (2,0 điểm) San hô có lợi hay có hại? Biển nước ta có giàu San hô không?

ĐÁP ÁN

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm)

Mỗi nội dung đúng 0,25 điểm \times 12 nội dung = 3,0 điểm

Câu 1: C

Câu 2: C

Câu 3: B

Câu 4: A

Câu 5:

(1) Đơn bào

(2) vừa tiến vừa xoay

(3) màng cơ thể

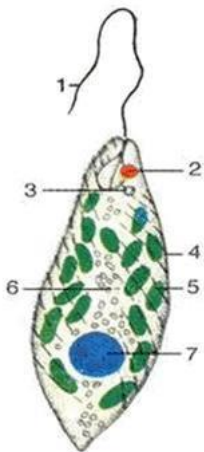
(4) phân đôi cơ thể

Câu 6:

1 + d 2 + a 3 + c 4 + b

II. PHẦN TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu 1: (2 điểm) Vẽ hình Cấu tạo cơ thể trùng roi xanh



1. Roi
2. Điểm mắt
3. Không bào co bóp
4. Màng cơ thể
5. Hạt diệp lục
6. Hạt dự trữ
7. Nhân

Vẽ hình 1,0 điểm, chú thích đúng đủ 1,0 điểm (sai hoặc thiếu 1 chú thích trừ 0,25 điểm)

Câu 2: (3,0 điểm)

a/ Giun đũa có đặc điểm cấu tạo khác với Sán lá gan: (1,0 điểm)

Giun đũa Sán lá gan

- Cơ thể hình ống như chiếc đũa - Cơ thể hình lá dẹp
- Có vỏ cuticun bao bọc cơ thể - Không có vỏ cuticun
- Có khoang cơ thể chưa chính thức - Chưa có khoang cơ thể
- Chỉ có cơ dọc - Có cơ dọc, cơ vòng, cơ lưng, bụng
- Ruột thẳng, có hậu môn - Ruột phân nhánh, chưa có hậu môn
- Cơ quan sinh dục phân tính - Cơ quan sinh dục lưỡng tính

b/ Giun đũa gây tác hại đối với sức khỏe con người: (1,0 điểm)

- Hút chất dinh dưỡng của người
- Tiết độc tố vào cơ thể người
- Gây đau bụng, đôi khi gây tắc ruột, tắc ống mật

c/ Biện pháp phòng chống giun sán kí sinh ở người: (1,0 điểm)

- Rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh
- Giữ vệ sinh ăn uống, thân thể và môi trường
- Đi vệ sinh đúng nơi qui định, xây dựng nhà vệ sinh hợp vệ sinh
- Uống thuốc tẩy giun sán định kì 6 tháng một lần

Câu 3: (2,0 điểm)

- San hô vừa có lợi và có hại:
- Có lợi: (1,0 điểm)
 - + Cung cấp nguyên liệu vôi cho xây dựng: san hô đá
 - + Làm vật trang trí và đồ trang sức: san hô sừng hươu, san hô đỏ, san hô đen
 - + Vật chỉ thị địa tầng trong nghiên cứu địa chất: hóa thạch san hô
 - + Có ý nghĩa về mặt sinh thái: đảo ngầm san hô
- Có hại: (0,5 điểm) Đảo ngầm san hô gây cản trở giao thông đường biển.

- Biển nước ta rất giàu san hô: ở vịnh Hạ Long, vùng biển Côn Đảo và Hoàng Sa, trường Sa. (0,5 điểm)

www.eLib.vn